

BIỂU 10/CH:DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH THỰC HIỆN TRONG KẾ HOẠCH NĂM 2023 HUYỆN HÒA AN

ST T	Tên dự án, công trình (theo quyết định phê duyệt)	Tổng diện tích thực hiện dự án (ha)	Trong đó				Vị trí, địa điểm		Dự án, công trình đăng mới	Dự án, công trình chuyển tiếp
			Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	xã	Tờ bản đồ		
I	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh									
1	Xây dựng sở chỉ huy phía trước bộ chỉ CHQS tỉnh Cao Bằng	1,00				1,00	Xã Quang Trung	01(1/10.000)	2023	
II	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất	-	-			-				
III	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất									
1	Đất giao thông									
1.1	Cải tạo, nâng cấp đường từ TT Xuân Hòa đi TT Thông Nông (Hà Quảng)	1,26	0,04	0,08		1,13	Xã Dân Chủ	Tờ số: DC1; 15; 16; 23; 32; 41; 42; 52; 63; 115		2021
1.2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Chu Trinh (thành phố Cao Bằng) - Hồng Nam (huyện Hòa An), tỉnh Cao Bằng	21,08	4,280	0,7		16,10	Xã Hồng Nam	Tờ số: 6; 7; 26; 31; 38; 39; 45; 50; 59; 65		2021
1.3	Đường tránh thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	11,04	8,77			2,27	TT Nước Hai	tờ số 4,5 (tỷ lệ 1/500); 21,22,23,32,42 (Bể Triều cũ);		2022

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 20+21+22+23/Ngày 17-5-2023

ST T	Tên dự án, công trình (theo quyết định phê duyệt)	Tổng diện tích thực hiện dự án (ha)	Trong đó				Vị trí, địa điểm		Dự án, công trình đăng mới	Dự án, công trình chuyển tiếp
			Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	xã	Tờ bản đồ		
								89,90,91,93 (Đức Long cũ) (tỷ lệ 1/1000)		
1.4	Khôi phục cải tạo đường Khau Chang - Trung Vương - Ngọc Động (Quảng Hòa) thuộc dự án đầu tư xây dựng đường dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương(LRAMP) tỉnh Cao Bằng	0,21				0,21	Xã Nguyễn Huệ	26,27,33,34,37,39,41,44,45,47,48,52,55,58,61,62,64(tỷ lệ 1000); Tờ 01,02 (tỷ lệ 10.000)		2022
1.5	Đường nội đồng Bản Hóa - Nà Hoàng	0,30	0,30			-	Xã Dân Chủ	49;50;60		2022
1.6	Đường nội đồng Bản Hóa - Nà Roỏng	0,30	0,30			-	Xã Dân Chủ	49;50;60		2022
1.7	Đường GTNT Danh Sỹ - Bản Lũng	0,20	-			0,20	Xã Dân Chủ	76,65;54		2022
1.8	Đường GTNT Hoàng Súm - Kéo Thín	0,40	-	0,40		-	Xã Dân Chủ	29;36		2022
1.9	Đường GTNT xóm Lũng Rì - Lũng Nặm	0,11	-	0,11		-	Xã Đại Tiến	01(1/10.000)		2022

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 20+21+22+23/Ngày 17-5-2023

ST T	Tên dự án, công trình (theo quyết định phê duyệt)	Tổng diện tích thực hiện dự án (ha)	Trong đó				Vị trí, địa điểm		Dự án, công trình đăng mới	Dự án, công trình chuyển tiếp
			Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	xã	Tờ bản đồ		
1.10	Mở mới đường GTNT xóm Lũng Thộc, xã Đại Tiên, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	0,28		0,28			Xã Đại Tiên	01(1/10.000)	2023	
1.11	Đường GTNT Cộp My xóm Bản Cải, xã Nguyễn Huệ, tỉnh Cao Bằng	0,30	0,20			0,10	Xã Nguyễn Huệ	57,58,61(bddc xã Trung Vương cũ)	2023	
1.12	Đường Sóc Pung, Mường Queng, Nà Siếu, Pác Làng xóm Lam Sơn Hạ, xã Hồng Việt	0,30	0,20			0,10	Xã Hồng Việt	18;11	2023	
1.13	Cầu GTNT Hồng Việt sang Bình Long(cũ) xã Hồng Việt, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	0,69	0,69				Xã Hồng Việt	42	2023	
1.14	Đường GTNT Nà Thum - Lũng Oong, xã Trương Lương, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	2,11	0,90			1,21	Xã Trương Lương	Tờ 101(1/10.000); Tờ 55(1/10.000 xã Công Trùng cũ)	2023	
1.15	Công trình Đường giao thông Sam Liếm xóm Khuổi Thẩn, xã Lê Chung	0,75				0,75	Xã Lê Chung	76	2023	
1.16	Đường GTNT Lũng Lửa - Lũng Cải, xóm Nà Tông, xã Hồng Nam, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	2,50				2,50	Xã Hồng Nam	01(1/10.000)	2023	
2	Đất thủy lợi									
2.1	Công trình hồ Khuổi Dáng (Thuộc dự án Cụm hồ chứa nước tỉnh Cao Bằng)	17,18	4,15	7,00		6,03	Xã Nam Tuấn	1, 84, 85, 87, 88		2022

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 20+21+22+23/Ngày 17-5-2023

ST T	Tên dự án, công trình (theo quyết định phê duyệt)	Tổng diện tích thực hiện dự án (ha)	Trong đó				Vị trí, địa điểm		Dự án, công trình đăng mới	Dự án, công trình chuyển tiếp
			Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	xã	Tờ bản đồ		
		7,72	1,151	6,39		0,18	Xã Đại Tiễn	1, 27		
		1,89	0,873			1,02	TT Nước Hai	1, 4		
							TT Nước Hai	31,32,33,35	2023	
2.2	Kè chống sạt lở bờ Sông Bằng bảo vệ khu dân cư TT Nước Hai	32				32	Xã Dân Chủ	26		2022
2.3	Xây dựng trạm bơm Nặm Thín	0,10	-			0,10				
3	Đất công trình năng lượng									
3.1	Thủy điện Hồng Nam	61,87	3,00	10,30		48,57	Xã Quang Trung	92(1/10.000); 85(1/10.000)		2021
		7,48	-	3,67		3,81	Xã Hồng Nam			
3.2	Thủy Điện Pác Khuổi	33,84	1,56			32,28	Xã Lê Chung; Xã Bạch Đằng	DC160(Bạch Đằng); DC75(Lê Chung)		2020

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 20+21+22+23/Ngày 17-5-2023

ST T	Tên dự án, công trình (theo quyết định phê duyệt)	Tổng diện tích thực hiện dự án (ha)	Trong đó				Vị trí, địa điểm		Dự án, công trình đăng mới	Dự án, công trình chuyển tiếp
			Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	xã	Tờ bản đồ		
3.3	Công trình xây dựng cải tạo lưới điện thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng năm 2023	0,01	0,0009	0,0094			Xã Ngũ Lão	tờ số 01,03(1/10.000); 33,74,9, (1/1000)	2023	
3.4	Công trình xây dựng cải tạo lưới điện thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng năm 2023	0,0006	0,0006				Xã Dân Chủ	tờ số 48	2023	
		0,0013	0,0013				Xã Đức Long	tờ số 74		
		0,0024	0,0024				Xã Hồng Việt	tờ số 40; 18		
		0,0021	0,0021				TT Nước Hai	tờ số 24,33		
		0,0025	0,0025				Xã Hoàng Tung	tờ số 8,14,17		
4	Đất xây dựng cơ sở văn hóa									
4.1	Nhà văn hóa, sân chơi thể thao xã Nguyễn Huệ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	0,36	0,08			0,28	Xã Nguyễn Huệ	26	2023	
4.2	Xây mới nhà văn hóa xóm Khuổi Hoi, xã Ngũ Lão, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	0,10				0,1	Xã Ngũ Lão	114	2023	

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 20+21+22+23/Ngày 17-5-2023

ST T	Tên dự án, công trình (theo quyết định phê duyệt)	Tổng diện tích thực hiện dự án (ha)	Trong đó				Vị trí, địa điểm		Dự án, công trình đăng mới	Dự án, công trình chuyển tiếp
			Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	xã	Tờ bản đồ		
4.3	Xây mới nhà văn hóa xóm Bản Phiếu, xã Ngũ Lão, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	0,04				0,04	Xã Ngũ Lão	33	2023	
4.4	Xây mới nhà văn hóa xóm Nà Mẩn, xã Ngũ Lão, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	0,04				0,04	Xã Ngũ Lão	45	2023	
4.5	Xây mới nhà văn hóa xóm Khuổi Khoán, xã Ngũ Lão, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	0,02				0,02	Xã Ngũ Lão	85	2023	
4.6	Xây mới nhà văn hóa xóm Mỏ Sắt, xã Dân Chủ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	0,02	0,02				Xã Dân Chủ	33	2023	
4.7	Xây mới nhà văn hóa xóm Bản Hóa, xã Dân Chủ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	0,01	0,01				Xã Dân Chủ	50	2023	
4.8	Xây mới nhà văn hóa xóm Bản Chang, xã Dân Chủ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	0,01	0,01				Xã Dân Chủ	33	2023	
4.9	Xây mới nhà văn hóa xóm Sông Bằng, xã Hồng Nam, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	0,03				0,03	Xã Hồng Nam	01(tỷ lệ 1/10.000)	2023	
4.10	Xây mới nhà văn hóa xóm Nà Khen, xã Đại Tiên, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	0,04	0,04				Xã Đại Tiên	29	2023	
4.11	Xây mới nhà văn hóa xóm Má Chang, xã Đại Tiên, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	0,04				0,04	Xã Đại Tiên	21	2023	

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 20+21+22+23/Ngày 17-5-2023

ST T	Tên dự án, công trình (theo quyết định phê duyệt)	Tổng diện tích thực hiện dự án (ha)	Trong đó				Vị trí, địa điểm		Dự án, công trình đăng mới	Dự án, công trình chuyển tiếp
			Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	xã	Tờ bản đồ		
4.12	Xây mới nhà văn hóa xóm Cà Rải, xã Đại Tiên, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	0,04				0,04	Xã Đại Tiên	61	2023	
4.13	Nhà văn hóa xóm Dẻ Đoóng, xã Hồng Việt, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	0,02				0,02	Xã Hồng Việt	4	2023	
4.14	Nhà văn hóa xóm Pác Cam, xã Hồng Việt, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	0,02				0,02	Xã Hồng Việt	10	2023	
4.15	Nhà văn hóa xóm Pác Gậy, xã Hồng Việt, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	0,02				0,02	Xã Hồng Việt	13	2023	
4.16	Nhà văn hóa xóm Bình Long, xã Hồng Việt, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	0,02				0,02	Xã Hồng Việt	15	2023	
4.17	Xây mới nhà văn hóa xóm Lũng Oong, xã Trương Lương, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	0,04				0,04	Xã Trương Lương	18	2023	
4.18	Xây mới nhà văn hóa xóm Lũng Luông, xã Trương Lương, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	0,04				0,04	Xã Trương Lương	35(BĐĐC xã Công Trùng cử)	2023	
4.19	Xây dựng nhà văn hóa xóm Tái Hồ Sin, xã Bạch Đằng, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	0,04				0,04	Xã Bạch Đằng	105	2023	
4.20	Xây dựng nhà văn hóa xóm Hạnh Phúc, xã Hoàng Tung, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	0,29				0,29	Xã Hoàng Tung	53	2023	

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 20+21+22+23/Ngày 17-5-2023

ST T	Tên dự án, công trình (theo quyết định phê duyệt)	Tổng diện tích thực hiện dự án (ha)	Trong đó				Vị trí, địa điểm		Dự án, công trình đăng mới	Dự án, công trình chuyển tiếp
			Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	xã	Tờ bản đồ		
5	Đất xây dựng thể dục thể thao									
5.1	Sân chơi thể thao xã Bạch Đằng	1,08	-			1,08	Xã Bạch Đằng	128		2022
6	Đất xây dựng cơ sở y tế									
6.1	Xây mới trạm y tế xã Ngũ Lão, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	0,05				0,05	Xã Ngũ Lão	9	2023	
7	Đất chợ									
7.1	Xây dựng chợ Nước Hai	0,78	0,78			-	TT Nước Hai	22		2022
8	Đất di tích lịch sử - văn hóa									
8.1	Hang Ngườm Slua xã Hoàng Tung	0,05				0,05	Xã Hoàng Tung	01-2021		2021
9	Đất trụ sở cơ quan									
9.1	Xây mới trụ sở UBND xã Lê Chung, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	1,1	-			1,1	Xã Lê Chung	75 (tỷ lệ 1/10.000)		2022

[illegible]

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 20+21+22+23/Ngày 17-5-2023

ST T	Tên dự án, công trình (theo quyết định phê duyệt)	Tổng diện tích thực hiện dự án (ha)	Trong đó				Vị trí, địa điểm		Dự án, công trình đăng mới	Dự án, công trình chuyển tiếp
			Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	xã	Tờ bản đồ		
13.1	Dự án khai thác lộ thiên mỏ Niken Đồng (giai đoạn I)	63,04	0,50			62,54	Xã Quang Trung	85 (Tỷ lệ 1/10.000)		2020
IV	Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất									
1	Mỏ đá Nà Bát, xã Hồng Việt	4,90	-	1,70		3,20	Xã Hồng Việt	49 (1/10.000 xã Hồng Việt (xã Bình Long cũ))		2022
2	Mỏ cát sỏi lòng Sông cụt, xóm Mã Quan, thị trấn Nước Hai	7,60				7,60	TT Nước Hai	15, 20		2022
3	Xưởng tuyển quặng sắt, xóm Hạnh Phúc	2,79				2,79	Xã Hoàng Tung	53		2022
4	Khai thác và chế biến khoáng sản cát, cuội, sỏi lộ thiên mỏ Nà Khoang làm VLXDTT (xóm Khuổi Kép, xã Bạch Đằng)	12,40	0,770			11,63	Xã Bạch Đằng	9		2022
5	Mỏ đá Tổng Hoảng, xã Trương Lương	8,30	0,480			7,82	Xã Trương Lương	51		2021
7	Mỏ cát, sỏi lòng sông đoạn sông Bằng Giang thuộc xóm Mỏ Sắt, xóm Bản Dứa, xã Dân chủ	5,65	-			5,65	Xã Dân Chủ	52;41;63		2021

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 20+21+22+23/Ngày 17-5-2023

ST T	Tên dự án, công trình (theo quyết định phê duyệt)	Tổng diện tích thực hiện dự án (ha)	Trong đó				Vị trí, địa điểm		Dự án, công trình đăng mới	Dự án, công trình chuyển tiếp
			Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	xã	Tờ bản đồ		
8	Dự án trồng và phát triển cây Mắc ca kết hợp với một số cây lâm nghiệp khác;	151,40				151,40	Xã Bạch Đằng	161(1/10.000)		2022
V	Các khu đất đấu giá QSD đất; bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất									
1	Đấu giá Khu đất Thôn Lồm, thị trấn Nước Hai	1,30	0,78			0,52	TT Nước Hai	Tờ số 28		2021
2	Mỏ cát sỏi xóm Pác Gậy, xã Hồng Việt, huyện Hòa An	2,30				2,30	Xã Hồng Việt	5;11		2022
3	Đấu giá Khu đất sau trường tiểu học Nước Hai	0,40	-			0,40	TT Nước Hai	21		2021
4	Đấu giá trụ sở phòng làm việc Tài chính - Kế hoạch	0,05	-			0,05	TT Nước Hai	27		2021
5	Đấu giá trụ sở trung tâm văn hóa - truyền thông huyện	0,09	-			0,09	TT Nước Hai	27		2021
6	Đấu giá Trung tâm Giáo dục thường xuyên (cũ)	0,12	0,12				TT Nước Hai	27-BĐĐC TT Nước Hai		2022

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 20+21+22+23/Ngày 17-5-2023

ST T	Tên dự án, công trình (theo quyết định phê duyệt)	Tổng diện tích thực hiện dự án (ha)	Trong đó				Vị trí, địa điểm		Dự án, công trình đăng mới	Dự án, công trình chuyển tiếp
			Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	xã	Tờ bản đồ		
7	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu dân cư mới xóm Bản Ség, thị trấn Nước Hai	1,73	1,23			0,50	TT Nước Hai	6-BĐĐC Bình Long		2022
8	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu dân cư mới Xóm 1 Bể Triều, thị trấn Nước Hai	5,20	4,20			1,00	TT Nước Hai	41-BĐĐC Bể Triều 42-BĐĐC Bể Triều		2022
9	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu dân cư Dạ Hương Mới, thị trấn Nước Hai	4,00	3,20			0,80	TT Nước Hai	91-BĐĐC Đức Long 96- BĐĐC Đức Long		2022
VI	Công trình, dự án giao đất, thuê đất thực hiện trong năm kế hoạch									
1	Nhà máy sản xuất phôi tre ép công nghiệp và các sản phẩm từ tre	5,00	-			5,00	Xã Bạch Đằng	160 (1/10.000)		2022
VII	Công trình, dự án không phải bồi thường GPMB (do nhân dân hiến đất,..)									
Tổng		467,86	40,84	36,94		390,09				